

ISO 14068-1:2023
BÁO CÁO TRUNG HÒA CARBON
CARBON NEUTRALITY REPORT



Công ty TNHH MONTCLAIR/ MONTCLAIR Co., Ltd
Kỳ báo cáo: 01/01/2024 – 31/12/2024/ Reporting period: January 1, 2024 – December 31, 2024

Ngày phát hành: 15/12/2025

Release date: December 15, 2025

MỤC LỤC/CONTENT

CAM KẾT VỀ TRẠNG THÁI TRUNG HÒA CARBON/	3
CARBON NEUTRALITY COMMITMENT.....	3
TUYÊN BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC/.....	4
THE CEO'S STATEMENT.....	4
1. GIỚI THIỆU/ INTRODUCTION	7
2. PHẠM VI VÀ RANH GIỚI/ SCOPE AND BOUNDARY.....	10
2.1. Company Information - Thông tin về Công ty	10
2.2. Chính sách của Nhà máy về biến đổi khí hậu - Company Policy on Climate Change.....	11
3. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG DẤU CHÂN CARBON/ QUANTIFICATION OF CARBON FOOTPRINT METHODS	13
3.1. Phương pháp/ Methodology	13
3.2. Quy định của pháp luật Việt Nam/ Vietnamese Regulations	14
4. DẤU CHÂN CARBON/ CARBON FOOTPRINT.....	15
4.1. Kết quả kiểm kê năm cơ sở và giai đoạn trung hòa/ Results of the baseline and carbon neutrality period inventory	15
4.2. Nguồn dữ liệu/ Data source	18
4.3. Giả định và ước tính/ Assumptions and estimations	19
4.4. Loại trừ/ Exclusion	20
4.5. Độ không đảm bảo đo/ Uncertainties.....	20
5. KẾ HOẠCH GIẢM THIỂU VÀ LOẠI BỎ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH/	21
THE CARBON REDUCTION EMISSION AND REMOVAL PLAN	21
5.1. Thiết lập chiến lược giảm thiểu phát thải KNK/ Establishing a GHG Reduction Strategy.....	21
5.2. Kế hoạch quản lý Carbon/ The Carbon management plan	22
6. CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HÒA CARBON/ CARBON NEUTRALITY PROGRAM	28
6.1. Lựa chọn Dự án/ Selection of Projects:	29
6.2. Tính toán các khoản bù đắp/ Calculation of Offsets to be Purchased.....	33
7. Ý KIẾN XÁC MINH/ VERICATION OPINION	37

CAM KẾT VỀ TRẠNG THÁI TRUNG HÒA CARBON/ CARBON NEUTRALITY COMMITMENT

Trạng thái Trung hòa Carbon của Công ty TNHH Montclair đạt được vào ngày 15/12/2025, tuân thủ theo ISO 14068-1:2023 cho kỳ báo cáo đầu tiên từ ngày 1/1/2024 đến 31/12/2024, và cam kết duy trì trạng thái Trung hòa carbon cho giai đoạn tiếp theo, được chứng nhận bởi đơn vị thẩm định độc lập TUV NORD.

The Carbon Neutrality status of Montclair Co., Ltd. was achieved on December 15, 2025, in compliance with ISO 14068-1:2023 for the first reporting period from January 1, 2024, to December 31, 2024, and the company is committed to maintaining Carbon Neutrality for the subsequent period, as certified by the independent verification body TUV NORD.

Được ký bởi/ Signed by



Sebastien Lestang

TUYÊN BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC/ THE CEO'S STATEMENT

Chúng tôi là Công ty TNHH MONTCLAIR, nhận thức sâu sắc về sự cấp bách của khủng hoảng biến đổi khí hậu toàn cầu và vai trò thiết yếu của doanh nghiệp trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp.

We, the MONTCLAIR CO., LTD., are deeply aware of the urgency of the global climate change crisis and the essential role of businesses in driving the transition towards a low-carbon economy

Phát triển bền vững và khả năng chống chịu của tổ chức gắn liền mật thiết với việc quản lý hiệu quả tác động khí hậu của chúng tôi.

The organization's sustainable development and resilience are intrinsically linked to the effective management of our climate impact.

Việc đạt được và duy trì trạng thái trung hòa carbon là một phần không thể tách rời trong chiến lược kinh doanh dài hạn của Công ty.

Achieving and maintaining carbon neutrality is an integral part of the Company's long-term business strategy.

Cam kết này củng cố khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, giúp mở rộng thị trường đồng thời nâng cao danh tiếng và khả năng chống chịu của tổ chức trước các rủi ro khí hậu.

This commitment strengthens our competitiveness, meets increasing market demands, helps expand our market presence, and simultaneously enhances the organization's reputation and resilience against climate risks.

Hơn nữa, chúng tôi cam kết thực hiện mục tiêu này tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường hiện hành tại Việt Nam và các điều kiện hoạt động cụ thể của ngành, đảm bảo sự phù hợp và tính khả thi trong bối cảnh hoạt động của công ty.

Furthermore, we are committed to pursuing this goal in full compliance with the current environmental laws and regulations in Vietnam and the specific operating conditions of our industry, ensuring suitability and feasibility within the company's operational context.

Với tầm nhìn chiến lược, Công ty chúng tôi đặt mục tiêu quản lý, kiểm kê và thúc đẩy cải tiến đối với toàn bộ dấu chân carbon, bao gồm cả các nguồn phát thải gián tiếp đáng kể (Phạm vi 3) mà chúng tôi đặc biệt quan tâm và có khả năng tác động. Các nguồn này bao gồm: vận chuyển nguyên vật liệu chính và thành phẩm, các sản phẩm chính đã mua, và xử lý nước thải. Việc giảm thiểu phát thải từ các nguồn này là ưu tiên chiến lược nhằm tối ưu hóa chuỗi giá trị và đạt được mục tiêu Trung hòa carbon bền vững.

With a strategic vision, our Company aims to manage, inventory, and drive improvements across our entire carbon footprint, including significant indirect emission sources (Scope 3) that we are particularly concerned with and have the capacity to influence. These sources include: transportation of key raw materials and finished products, purchased key products, and wastewater treatment. Reducing emissions from these sources is a strategic priority to optimize

the value chain and achieve the goal of sustainable Carbon Neutrality.

Bà Nguyễn Thị Phương Hà – Tổng Giám đốc công ty chính thức cam kết và thiết lập khuôn khổ cho việc đạt được và duy trì Trạng thái trung hòa carbon của Công ty TNHH MONTCLAIR theo các nguyên tắc của tiêu chuẩn quốc tế ISO 14068-1:2023 – Quản lý khí nhà kính và các hoạt động liên quan – Trung hòa Carbon.

***Ms. Nguyen Thi Phuong Ha** – CEO commits to and establishes the framework for achieving and maintaining the MONTCLAIR's Carbon Neutrality Status in accordance with the principles of the international standard ISO 14068-1:2023 – Climate change management and related activities – Carbon neutrality.*

Báo cáo trung hòa carbon bao gồm tất cả các thông tin cần thiết về trạng thái trung hòa carbon của đối tượng được lựa chọn. Nếu có bất kỳ thông tin nào ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các tuyên bố, thì tài liệu này sẽ được cập nhật tương ứng để phản ánh tình trạng hiện tại của Công ty TNHH Montclair đối với trạng thái trung hòa carbon.

The Carbon Neutrality Report includes all necessary information regarding the carbon neutrality status of the selected subject. Should any information affect the validity of the statements, this document will be updated accordingly to reflect Montclair Co., Ltd.'s current status with respect to carbon neutrality.

Tài liệu này được công khai trên trang web: <https://shop.annam-gourmet.com/>

This report is publicly available on the website: <https://shop.annam-gourmet.com/>

Mỗi năm làm báo cáo 1 lần, khi làm phải áp dụng hệ số phát thải và mô hình định lượng mới nhất. Thông thường đầu năm sẽ tiến hành đánh giá khí nhà kính của 01 năm trước đó, và lập báo cáo. Nếu phạm vi áp dụng của Nhà máy thay đổi, thì phải lập tức tiến hành điều tra tính toán lại khí nhà kính, và xác định năm cơ sở có thay đổi không, làm báo cáo mới.

The report is made once a year, when doing so, the latest emission coefficients and quantitative models must be applied. Normally, at the beginning of the year, a greenhouse gas assessment of the previous 01 year will be conducted, and a report will be prepared. If the factory's scope of application changes, it should immediately conduct a GHG recalculation investigation, and determine if the base year has changed, and make a new report.

Đây là tuyên bố đầu tiên về cam kết trung hòa carbon của Công ty TNHH Montclair đối với phát thải khí nhà kính (KNK) phạm vi 1, phạm vi 2 và các nguồn đáng kể phạm vi 3.

This is the first statement of Montclair Co., Ltd.'s carbon neutrality commitment covering Scope 1, Scope 2, and significant Scope 3 greenhouse gas (GHG) emission sources.

Dữ liệu cho giai đoạn đăng ký đầu tiên này đã được xác minh bởi bên thứ ba độc lập, TÜV NORD xác nhận rằng Tuyên bố trung hòa carbon này được báo cáo phù hợp theo yêu cầu của ISO 14068-1:2023.

The data for this first registration period has been verified by the independent third party, TÜV NORD, confirming that this Carbon Neutrality Statement is reported in compliance with the requirements of ISO 14068-1:2023.

1. GIỚI THIỆU/ INTRODUCTION

Tài liệu này được xem là một báo cáo đầy đủ để chứng minh rằng Công ty TNHH Montclair đã đạt được mức trung hòa carbon cho các phát thải KNK thuộc Phạm vi 1, Phạm vi 2 và Phạm vi 3 (các nguồn đáng kể) trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2024 và kết thúc vào ngày 31/12/2024, theo ISO 14068-1:2023.

This document is considered a complete report to demonstrate that Montclair Co., Ltd. has achieved carbon neutral for its Scope 1, Scope 2, and Scope 3 (significant sources) GHG emissions during the period commencing on January 1, 2024, and ending on December 31, 2024, in accordance with ISO 14068-1:2023.

Nội dung/ Contents	Mô tả chi tiết/ Description
<p>Thực thể pháp lý thực hiện công bố ISO 14068-1:2023</p> <p><i>Entity making ISO 14068-1:2023 declaration</i></p>	<p>Công ty TNHH MONTCLAIR</p> <p><i>MONTCLAIR Company Limited</i></p> <p>Địa chỉ: 484G, khu phố 1, đường số 38, phường Bình Trung, TP.HCM</p> <p><i>Address: 484G, Ward 1, Street 38, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i></p>
<p>(Những) cá nhân chịu trách nhiệm</p> <p><i>Individual(s) responsible</i></p>	<p>Bà Nguyễn Thị Phương Hà – Tổng Giám đốc</p> <p><i>Ms. Nguyen Thi Phuong Ha – CEO</i></p> <p>Ông Sebastien Lestang – Giám Đốc Điều Hành</p> <p><i>Mr. Sebastien Lestang – Operational General Manager</i></p>
<p>Đối tượng của ISO 14068-1:2023</p> <p><i>Subject of ISO 14068-1:2023</i></p>	<p>Phát thải thuộc Phạm vi 1, 2 và phạm vi 3 đáng kể của Công ty TNHH Montclair</p> <p><i>Montclair Co., Ltd.'s Scope 1, Scope 2, and significant Scope 3 emissions.</i></p>
<p>Đặc tính của đối tượng</p> <p><i>Characteristics to that subject</i></p>	<p>Công ty TNHH Montclair bao gồm 2 CK (central kitchen) với các nhóm sản phẩm sau:</p> <p><i>Montclair Co., Ltd. comprises two Central Kitchens (CKs) with the following product groups:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Sơ chế, chế biến, đóng gói các sản phẩm bánh (bánh lên men – dòng bánh mì không nhân, bánh không lên men dòng viennoiserie, pie có nhân và không nhân, cookies); kem thanh trùng; sản phẩm từ sữa đã qua gia nhiệt và sản phẩm từ chocolate đã gia nhiệt (dòng panna cotta và mousse); ○ <i>Initial processing, manufacturing, and packaging of bakery products (fermented products – plain bread</i>

	<p><i>lines, non-fermented products like viennoiserie, pies with and without fillings, cookies); pasteurized ice cream; heat-treated dairy products, and heat-treated chocolate products (panna cotta and mousse lines);</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Sản phẩm từ thịt, gia cầm và thủy hải sản (sản phẩm xông khói, pate, xúc xích tươi và xúc xích ăn liền). ○ <i>Meat, poultry, and seafood products (smoked products, pâté, fresh sausage, and ready-to-eat sausage);</i> ○ Sơ chế và đóng gói thịt tươi (thịt cừu, thịt heo, thịt bò, thịt bê và thịt gia cầm) và thủy hải sản tươi. ○ <i>Initial processing and packaging of fresh meat (lamb, pork, beef, veal, and poultry) and fresh seafood.</i>
<p>Cơ sở lựa chọn đối tượng <i>Basis for selecting objects</i></p>	<p>Tổ chức lựa chọn phương thức kiểm soát vận hành vì tổ chức có thể tham gia trực tiếp các hoạt động kiểm soát vận hành trong ranh giới tổ chức, ranh giới báo cáo và tính sẵn có của các dữ liệu tính toán. Bên cạnh đó, phương thức này giúp tập trung vào lượng phát thải mà tổ chức có quyền kiểm soát nhiều nhất, điều này giúp xác định các lĩnh vực có thể cải thiện và phát triển các chiến lược để giảm thiểu KNK mà tổ chức có thể vận hành một cách hiệu quả.</p> <p><i>The organization selected the operational control approach because it can directly participate in operational control activities within the organizational boundary, the reporting boundary, and due to the availability of calculation data. Furthermore, this approach helps focus on the emissions that the organization has the most control over, which assists in identifying areas for improvement and developing effective strategies for GHG mitigation.</i></p> <p>Ranh giới này được tóm tắt như sau:</p> <p><i>This boundary is summarized as follows:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Phát thải Phạm vi 1: Đốt sinh khối, đốt nhiên liệu (cố định & di động), rò rỉ KNK từ thiết bị, phát thải quá trình, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. <p><i>Scope 1 Emissions: Biomass combustion, fuel combustion (stationary & mobile), GHG leakage</i></p>

	<p>from equipment, process emissions, land use change.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phát thải Phạm vi 2: Điện <p><i>Scope 2 Emissions: Purchased electricity</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Phát thải Phạm vi 3: Hàng hóa mua; Vận chuyển và phân phối thượng nguồn, hạ nguồn; xử lý chất thải. <p><i>Scope 3 Emissions: Purchased goods; upstream and downstream transportation and distribution; waste treatment.</i></p>
<p>Tiêu chuẩn tính toán phát thải KNK</p> <p><i>GHG emission calculation standards</i></p>	<p>Công ty TNHH Montclair tính toán phát thải theo Tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018. Các định nghĩa về mức độ đáng kể và ranh giới do Công ty áp dụng cũng được xem xét trong quá trình tính toán này.</p> <p><i>Montclair Co., Ltd. calculates emissions in accordance with the ISO 14064-1:2018 Standard. The definitions of materiality and boundaries adopted by the Company are also considered in this calculation process.</i></p>
<p>Loại hình cam kết/</p> <p><i>Type of engagement</i></p>	<p>Ý kiến Thẩm tra Bên thứ ba độc lập/</p> <p><i>Independent Third-party Verification Opinion</i></p>
<p>Kỳ cơ sở cho 14068-1:2023</p> <p><i>Baseline for 14068-1:2023</i></p>	<p>01/01/2024 – 31/12/2024</p> <p><i>1st January 2024 – 31st December, 2024</i></p>
<p>Kỳ báo cáo đạt được tính trung hòa</p> <p><i>Carbon neutrality achievement period</i></p>	<p>01/01/2024 – 31/12/2024</p> <p><i>1st January 2024 – 31st December, 2024</i></p>
<p>Thời gian cam kết/ giai đoạn có thể áp dụng trong tương lai</p> <p><i>Commitment period/ Future period that may be applicable</i></p>	<p>01/01/2025 – 31/12/2049</p> <p><i>1st January 2025 – 31st December 2049</i></p>

2. PHẠM VI VÀ RANH GIỚI/ SCOPE AND BOUNDARY

2.1. Company Information - Thông tin về Công ty

Công ty TNHH Montclair được thành lập và đưa vào hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2019, cùng với đại diện công ty là bà Nguyễn Thị Phương Hà. Công ty đã tạo được thế mạnh cho mình là sản xuất đa dạng các sản phẩm từ các loại bánh ngọt đến các loại thực phẩm tươi sống Montclair cung cấp cho thị trường các sản phẩm có hương vị mới lạ và đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm góp phần tạo nên dòng sản phẩm an toàn cho người sử dụng khi sử dụng hạn chế sử dụng chất bảo quản trong các sản phẩm.

Montclair Co., Ltd. was established and commenced operations on January 16, 2019, with Ms. Nguyen Thi Phuong Ha as the company representative. The company has built its strength by diversifying its product range, from various pastries to fresh food products. Montclair provides the market with products that have unique flavors and meet food safety standards, contributing to a safe product line for consumers by limiting the use of preservatives in its products.

Phạm vi tại công ty TNHH Montclair. Địa chỉ: 484G, khu phố 1, đường số 38, phường Bình Trưng Tây, TP. Hồ Chí Minh với nhóm sản phẩm:

Scope of Operations at Montclair Co., Ltd. Address: 484G, Area 1, Street No. 38, Binh Trung Tay Ward, Ho Chi Minh City, with the following product groups:

o Sơ chế, chế biến, đóng gói các sản phẩm bánh (bánh lên men – dòng bánh mì không nhân, bánh không lên men dòng viennoiserie, pie có nhân và không nhân, cookies); kem thanh trùng; sản phẩm từ sữa đã qua gia nhiệt và sản phẩm từ chocolate đã gia nhiệt (dòng panna cotta và mousse);

o Initial processing, manufacturing, and packaging of bakery products (fermented products – plain bread lines, non-fermented products like viennoiserie, pies with and without fillings, cookies); pasteurized ice cream; heat-treated dairy products, and heat-treated chocolate products (panna cotta and mousse lines);

o Sản phẩm từ thịt, gia cầm và thủy hải sản (sản phẩm xông khói, pate, xúc xích tươi và xúc xích ăn liền).

o Meat, poultry, and seafood products (smoked products, pâté, fresh sausage, and ready-to-eat sausage);

o Sơ chế và đóng gói thịt tươi (thịt cừu, thịt heo, thịt bò, thịt bê và thịt gia cầm) và thủy hải sản tươi.

Initial processing and packaging of fresh meat (lamb, pork, beef, veal, and poultry) and fresh seafood.

Công ty TNHH Montclair vận hành một công ty gồm 2 CK (central kitchen) với tổng diện tích thuê là 2040 m². Công ty có đội ngũ khoảng 86 nhân viên tận tâm, tích cực tham gia sản xuất nhằm mang đến những sản phẩm chất lượng cao cho thị trường.

Montclair Co., Ltd. operates a company comprising two Central Kitchens (CKs) with a

total leased area of 2,040 square meters. The company has a dedicated team of approximately 80 employees who actively participate in production to deliver high-quality products to the market.

2.2. Chính sách của Nhà máy về biến đổi khí hậu - Company Policy on Climate Change

Chúng tôi đã áp dụng ISO 14068-1:2023 như một phương pháp tiếp cận được công nhận, chuẩn hóa và minh bạch trên toàn thế giới để định lượng đóng góp của chúng tôi vào các tác động của hiện tượng nóng lên toàn cầu.

We have adopted ISO 14068-1:2023 as a globally recognized, standardized, and transparent approach to measuring our contribution to the impacts of global warming.

Chúng tôi sử dụng phương pháp “kiểm soát hoạt động” để xác định ranh giới để tính toán lượng phát thải KNK của mình. Phạm vi ranh giới được lựa chọn hoàn toàn tuân thủ theo hướng dẫn của ISO 14068-1:2023.

We use ‘operational control’ approach to define boundaries for accounting our GHG emissions. The scope & boundary were selected in full compliance with the guidance of ISO 14068-1:2023.

Ranh giới bao gồm phạm vi phát thải KNK Phạm vi 1, Phạm vi 2 và Phạm vi 3 đáng kể từ duy nhất địa điểm hoạt động này.

The boundary includes Scope 1, Scope 2, and significant of Scope 3 GHG emissions from this single operating location.

Chúng tôi sẽ tính toán 100% lượng KNK Phạm vi 1 và Phạm vi 2 trong phạm vi hoạt động của mình (Kiểm soát hoạt động).

We will account for 100% of our Scope 1 and Scope 2 GHG emissions within our operational boundary (Operational control).

Lượng khí thải Phạm vi 1 và 2 phản ánh 100% lượng khí thải hoạt động cốt lõi “sở hữu” của chúng tôi, mà doanh nghiệp của chúng tôi có quyền kiểm soát trực tiếp. Điều này cho phép doanh nghiệp của chúng tôi có các hành động tác động trực tiếp đến việc giảm phát thải.

The Scope 1 and 2 emissions reflect 100% of our “owned” core operational emissions, over which our business has direct control. This enables our business to have a direct operational influence on reducing emissions.

Lượng khí thải Phạm vi 3 được tính toán từ các nguồn đáng kể được đánh giá dựa trên bảng tiêu chí đánh giá gồm mục tiêu công ty, quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm kê KNK, khả năng thu thập dữ liệu hoạt động để tính toán phát thải và khả năng thu thập hệ số phát thải/ mô hình định lượng để tính toán phát thải. Kết quả sau đánh giá bao gồm các nguồn: Hàng hóa mua; Vận chuyển và phân phối thượng nguồn, hạ nguồn; Xử lý chất thải.

Scope 3 emissions were calculated from significant sources, which were assessed based

on an evaluation criteria table including company objectives, Vietnamese legal regulations on GHG inventory, the feasibility of collecting activity data for emission calculation, and the availability of emission factors/quantitative models for calculation. The results following this assessment include the following sources: Purchased Goods; Upstream and Downstream Transportation and Distribution; and Waste Generated in Operations.

Lượng khí thải Phạm vi 1 và 2 liên quan đến hoạt động kinh doanh trực tiếp của chúng tôi được đo lường và xác minh theo hướng dẫn của IPCC 2006/ 2019, Phạm vi 1 (sử dụng tài nguyên trực tiếp), Phạm vi 2 (năng lượng mua để sử dụng trong hoạt động trực tiếp của chúng tôi).

The Scope 1 and 2 emissions associated with our direct business operations are metered, measured, and verified in accordance with IPCC 2006/ 2019 guidance; Scope 1 (direct resource use), Scope 2 (purchased energy for use in our direct operations).

Lượng khí thải Phạm vi 3 được đo lường và xác minh theo hướng dẫn của phương pháp luận GHG.

Scope 3 emissions are measured and verified according to the GHG Protocol guidance.

Công ty TNHH Montclair đảm bảo rằng trong Kỳ báo cáo 2024 (01/01/2024 – 31/12/2024), không có sự đảo ngược loại bỏ khí nhà kính đáng kể nào xảy ra trong ranh giới của đối tượng trung hòa carbon. Các hoạt động loại bỏ KNK chủ yếu là gián tiếp thông qua việc sử dụng REC và không bao gồm các dự án hấp thụ carbon dựa trên đất đai/ lâm nghiệp với rủi ro đảo ngược cao.

MONTCLAIR Co., Ltd ensures that during the Reporting Period 2024 (January 1, 2024 – December 31, 2024), no significant GHG removal reversals occurred within the boundaries of the carbon neutral subject. GHG removal activities are primarily indirect through the use of REC and do not include land-based/forestry carbon sequestration projects with high reversal risks.

Đây là tuyên bố đầu tiên của Công ty TNHH Montclair về cam kết trung hòa carbon.

This is the first declaration of commitment to carbon neutrality by Montclair Company Limited.

3. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG DẤU CHÂN CARBON/*QUANTIFICATION OF CARBON FOOTPRINT METHODS*

3.1. Phương pháp/*Methodology*

Tổng phát thải KNK liên quan đến Công ty TNHH Montclair được định lượng theo Hướng dẫn của IPCC cho kiểm kê KNK Quốc Gia (2006) & IPCC điều chỉnh (2019), GHG Protocol tiêu chuẩn định lượng và báo cáo phát thải KNK cho doanh nghiệp. Đây là nền tảng tính toán được công nhận và sử dụng rộng rãi nhất cho các chương trình báo cáo phát thải KNK của doanh nghiệp trên toàn cầu. Nó cho phép chúng tôi báo cáo và so sánh hiệu suất của mình theo hướng chuẩn hóa và minh bạch. Phương pháp luận đã được áp dụng tuân thủ theo các yêu cầu của ISO 14068-1:2023.

Total GHG emissions associated with Montclair Company Limited have been quantified in accordance with the IPCC Guidelines for National Greenhouse Gas Inventories (2006) and the IPCC Refinement (2019), GHG Protocol: A Corporate Accounting and Reporting Standard for GHG Emissions. This is the most widely recognized and used accounting platform for corporate GHG reporting programs globally. It enables us to report and compare our performance in a standardized and transparent way. The methodology has been applied in line with the requirements of ISO 14068-1:2023.

Tổng lượng phát thải được báo cáo bằng tấn Carbon dioxide.

The total gross emissions are reported in metric tons of carbon dioxide equivalent (tCO₂ equivalent).

Lượng khí thải của các loại KNK sau đây đã được đưa vào báo cáo này:

- Carbon dioxide (CO₂)
- Methane (CH₄)
- Nitrous oxide (N₂O)
- Hydrofluorocarbons (HFCs)

Emissions of the following greenhouse gases were included in these reports:

- Carbon dioxide (CO₂)
- Methane (CH₄)
- Nitrous oxide (N₂O)
- Hydrofluorocarbons (HFCs)

Lượng khí thải của các loại KNK sau đây không được đưa vào:

- Perfluorocarbons (PFC) – không phát sinh.
- Lưu huỳnh hexafluoride (SF₆) – không liên quan đến các công nghệ được sử dụng.
- Nitơ trifluoride (NF₃) – không phát sinh.

Emissions of the following greenhouse gases were not included:

- *Perfluorocarbons (PFC) – not arise*
- *Sulphur hexafluoride (SF6) – is not relevant to the technologies used*
- *Nitrogen trifluoride (NF3) – not arise*

Giá trị tiềm năng nóng lên toàn cầu được sử dụng trong báo cáo này được thu thập theo IPCC (AR6)

Global Warming Potential Values used in this report are obtained from IPCC (AR6).

Tất cả các phát thải và loại bỏ KNK ở phạm vi 1, 2, 3 có liên quan đến ranh giới tổ chức của đối tượng đều được nhận diện và báo cáo theo Nghị định thư KNK, Tiêu chuẩn định lượng và báo cáo phát thải KNK cho doanh nghiệp.

All GHG emissions in Scope 1, 2 and 3 relevant to the system boundary have been included and quantified in accordance with the GHG Protocol, Corporate Accounting and Reporting Standard.

Kiểm kê thực hiện trên 100% lượng phát thải KNK của các hoạt động vận hành mà Công ty TNHH Montclair có quyền kiểm soát trực tiếp và toàn quyền đưa ra và thực hiện các chính sách vận hành của mình.

Montclair Company Limited has accounted for 100% of the GHG emissions from operations over which it has direct operational control and the authority to set and implement its operational policies.

3.2. Quy định của pháp luật Việt Nam/ Vietnamese Regulations

Nghị định 06/2022/NĐ-CP: Quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn.

Decree 06/2022/ND-CP: Regulations on Mitigation of Greenhouse Gas Emissions and Protection of the Ozone Layer.

Quyết định 2626/QĐ-BTNMT: công bố danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Decision No. 2626/QĐ-BTNMT: Announcement of the Emission Factors List for Greenhouse Gas Inventory Issued by the Minister of Natural Resources and Environment.

Nghị định 119/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Decree No. 119/2025/ND-CP dated June 09, 2025 on amendments to Decree No. 06/2022/ND-CP on greenhouse gas (GHG) emission mitigation and ozone layer protection.

4. DẤU CHÂN CARBON/ CARBON FOOTPRINT

4.1. Kết quả kiểm kê năm cơ sở và giai đoạn trung hòa/ Results of the baseline and carbon neutrality period inventory

Kỳ báo cáo 01/01/2024 – 31/12/2024 được xác định là năm cơ sở cho việc quản lý khí nhà kính và Lộ trình trung hòa Carbon của Công ty TNHH Montclair. Năm này thiết lập đường cơ sở để theo dõi và đánh giá tiến độ giảm thiểu phát thải trong các kỳ báo cáo tiếp theo.

The reporting period from January 1, 2024 – December 31, 2024, is established as the Baseline Year for Montclair Co., Ltd.'s GHG management and Carbon Neutrality Pathway. This year sets a baseline to track and assess the progress of emission reduction in subsequent reporting periods.

Dấu chân carbon toàn diện được định lượng trong năm này bao gồm tất cả các nguồn phát thải KNK phạm vi 1, 2 và phạm vi 3 đáng kể. Năm cơ sở được xác định dựa trên tổng phát thải toàn phần trước khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, bao gồm cả lượng phát thải tiềm năng từ điện năng (53,80 tCO_{2e}) nếu không có hệ thống năng lượng mặt trời áp mái. Điều này nhằm đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu và thể hiện đầy đủ nỗ lực giảm thiểu KNK của Công ty so với kịch bản thông thường.

The comprehensive carbon footprint quantified in this year includes all Scope 1, 2, and significant Scope 3 GHG emission sources. The baseline year is determined based on total gross emissions before applying reduction measures, including the potential emissions from electricity (53.80 tCO_{2e}) had the rooftop solar system not been operational. This ensures the integrity of the data and fully reflects the Company's GHG mitigation effort compared to a business-as-usual scenario.

Bảng 1. Kết quả phát thải năm 2024/ Table 1. The result of Carbon Emission in 2024

STT /No	Phạm vi và nhóm/ Scopes and categories	Lượng phát thải (tấn CO _{2e})/ Emission (ton CO _{2e})	Tỷ lệ (%)/ Proportion (%)	Ghi chú/ Remark
Phát thải phạm vi 1/ Emission of scope 1				
1.1	Phát thải trực tiếp từ quá trình đốt cháy tĩnh / <i>Direct emissions from stationary combustion</i>	4,70	0,28%	
1.2	Phát thải trực tiếp từ quá trình đốt cháy động / <i>Direct emissions from dynamic combustion</i>	21,55	1,28%	
1.3	Phát thải liên quan đến quá trình trực tiếp / <i>Emissions related to direct processes</i>	56,78	3,36%	
1.4	Phát thải rò rỉ trực tiếp /	104,303	6,18%	

	<i>Fugitive emissions directly</i>			
1.5	Phát thải và loại bỏ trực tiếp từ việc sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp / <i>Emissions and direct removal from land use, land use change and forestry (LULUCF)</i>	0,550	0,03%	
Phát thải phạm vi 2/ Emission of scope 2				
2.1	Phát thải từ tiêu thụ điện năng theo vị trí/ <i>Emission from Electricity consumption (local- based)</i>	435,28	25,78%	
2.2	Phát thải từ tiêu thụ điện năng theo thị trường/ <i>Emission from Electricity consumption (market- based)</i> Thông qua việc sử dụng năng lượng mặt trời áp mái/ <i>Through the deployment of rooftop solar</i>	53,80		
2.3	Phát thải từ tiêu thụ điện năng theo thị trường/ <i>Emission from Electricity consumption (market-based)</i> Thông qua mua 661 REC/ <i>By purchasing 661 REC.</i>	0,00		
Phát thải phạm vi 3/ Emission of scope 3				
3.1	Vận chuyển và phân phối thượng nguồn / <i>Transportation and upstream distribution</i>	6,74	0,40%	
3.2	Vận chuyển và phân phối hạ nguồn / <i>Downstream transportation and distribution</i>	7,95	0,47%	
3.3	Sản phẩm đã mua / <i>Purchased products</i>	1.049,58	62,16%	
3.4	Chất thải phát sinh từ các hoạt động của tổ chức / <i>Waste generated from the organization's activities</i>	1,11	0,07%	
Tổng Phát thải ròng/ <i>Total GHG emissions</i>		1.688,55	100%	

Tổng Phát thải ròng sau khi mua IREC cho 100% lượng điện tiêu thụ/ <i>Total GHG emissions after purchasing IREC for 100% of the electricity consumption</i>	1.253,27		tCO _{2e}
--	----------	--	-------------------

Biện pháp giảm thiểu khả thi đã triển khai trong 2024: Công ty đã đưa vào vận hành hệ thống năng lượng mặt trời áp mái từ tháng 08 năm 2024. Biện pháp này đã giúp giảm được 53,801 tCO_{2e} phát thải Phạm vi 2 trong kỳ báo cáo. Việc giảm thiểu này được xem là nỗ lực tối đa và khả thi về mặt vận hành có thể đạt được trong khuôn khổ thời gian ngắn của kỳ báo cáo đầu tiên.

Feasible reduction measures implemented in 2024: Montclair Co., Ltd. proactively commissioned and commenced operation of a rooftop solar power system starting from August 2024. This measure resulted in a Scope 2 emission reduction of 53,801 tCO_{2e} during the reporting period. This reduction is considered the maximum operational and technically feasible effort achievable within the short timeframe of this first reporting period.

Phát thải tồn dư: Sau khi áp dụng biện pháp giảm thiểu trực tiếp (điện mặt trời áp mái) và giảm thiểu gián tiếp (mua REC cho 100% điện năng tiêu thụ), lượng phát thải còn lại là 1.253,27 tCO_{2e}. Do kỳ báo cáo 2024 là kỳ đầu tiên và nằm trước thời điểm áp dụng đầy đủ các dự án giảm thiểu dài hạn (theo kế hoạch tại Mục 5.2, dự kiến bắt đầu từ 2025-2029), Công ty xác định rằng không còn cơ hội giảm thiểu phát thải KNK nào khác được coi là khả thi về mặt kỹ thuật, kinh tế và vận hành để hoàn thành trong năm 2024.

Residual emissions: The GHG emissions remaining after applying direct reduction measures (rooftop solar power) and indirect reduction measures (purchasing RECs for 100% of electricity consumption) amount to 1253,27 tCO_{2e}. As the 2024 reporting period is the first and precedes the full implementation of long-term reduction projects (as detailed in the plan in Clause 5.2, scheduled from 2025–2029), the Company determined that no other GHG emission reduction opportunities were considered technically, economically, and operationally feasible to be completed within 2024.

Công ty chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14068-1 để đạt được và chứng minh tính trung hòa carbon. Tuy nhiên, trong quá trình tính toán dấu chân carbon của mình, chúng tôi xác định rằng không có các hoạt động hấp thụ khí nhà kính nội bộ trong ranh giới hoạt động của mình. Lý do là vì toàn bộ diện tích mặt bằng của công ty được sử dụng cho nhà xưởng, cơ sở vật chất và các hoạt động vận hành liên quan. Chúng tôi không có diện tích đất trồng cây xanh cảnh quan hoặc các hệ thống sinh học khác được thiết kế để loại bỏ khí nhà kính khỏi khí quyển. Do đó, việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp trong chuỗi giá trị vẫn là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi, tuân theo nguyên tắc thứ bậc của tiêu chuẩn. Lượng dấu chân carbon còn lại sẽ được bù đắp bằng các khoản bù trừ.

Our company is fully committed to implementing the requirements of the ISO 14068-1

standard to achieve and demonstrate carbon neutrality. However, in quantifying our carbon footprint, we have determined that there are no in-boundary greenhouse gas (GHG) removal enhancements within our operational boundary. This is due to the fact that the entire premise area of the company is utilized for factory buildings, facilities, and related operational activities. We do not possess green spaces, landscaping, or other biological systems designed to withdraw GHG from the atmosphere. Therefore, the reduction of direct and indirect GHG emissions within our value chain remains our primary focus, in accordance with the standard's Hierarchy approach. The remaining carbon footprint will be counterbalanced by offsetting.

Kết luận: Do đó, lượng 1.253,27 tCO_{2e} được xác nhận là phát thải tồn dư và được bù đắp hoàn toàn bằng tín chỉ carbon chất lượng cao (1.311 tín chỉ VCS) để đạt trạng thái trung hòa carbon trong kỳ báo cáo 2024, phù hợp với yêu cầu của ISO 14068-1:2023 về việc ưu tiên giảm thiểu trước khi bù đắp.

Conclusion: Consequently, the amount of 1253,27 tCO_{2e} is confirmed as Residual GHG emissions (unabated emissions that remain after implementing all feasible reductions) and was fully counterbalanced by purchasing high-quality carbon credits (1.311 credits) to achieve Carbon Neutrality status in the 2024 reporting period, consistent with the Hierarchy Approach (prioritizing emission reduction and removal enhancement before offsetting).

Chi tiết xem thêm tại Báo cáo kiểm kê KNK của Công ty TNHH Montclair năm 2024.

For more details, refer to Montclair Company Limited Report Period 2024.

4.2. Nguồn dữ liệu/ Data source

Phát thải Phạm vi 1, 2 và 3: Dữ liệu sơ cấp, được đo trực tiếp trong ranh giới hoạt động, đã được sử dụng cho phát thải phạm vi 1, phạm vi 2, phạm vi 3 bất cứ khi nào sẵn có. Dữ liệu thứ cấp chỉ được sử dụng khi không có dữ liệu sơ cấp. Lượng phát thải Phạm vi 1 và Phạm vi 2 trong báo cáo này đã được tính toán từ dữ liệu sơ cấp. Đối với phát thải Phạm vi 3, dữ liệu sơ cấp được sử dụng cho các sản phẩm mua vào và xử lý nước thải.

Scope 1, 2, and 3 Emissions: Primary data, measured directly within the operational boundary, were utilized for Scope 1, Scope 2, and Scope 3 emissions whenever available. Secondary data were only used when primary data were not available. In this report, the calculation of Scope 1 and Scope 2 emissions was derived entirely from primary data. For Scope 3 emissions, primary data were used for purchased products and wastewater treatment.

Hệ số phát thải: nguyên tắc lựa chọn hệ số phát thải như sau:

- + Thứ nhất: Ưu tiên sử dụng hệ số đạt được qua phương pháp đo lường hoặc tính toán cân bằng vật chất.
- + Thứ hai: Sử dụng hệ số quốc gia theo Quyết định 2626/QĐ-BTNMT.
- + Thứ ba: Nếu không có hệ số phát thải quốc gia hoặc khu vực thích hợp, thì áp dụng hệ số quốc tế đã công bố. Lưu ý: Đối với phát thải của phạm vi 1 chỉ sử dụng hệ số phát thải

theo hướng dẫn của IPCC 2009/ 2016.

Emission Factors: The principles for selecting emission factors are as follows:

- + *First: Priority is given to using factors obtained through measurement methods or mass balance calculations.*
- + *Second: Use national factors according to Decision 2626/QĐ-BTNMT.*
- + *Third: If there are no appropriate national or regional emission factors, then apply the published international factors. For Scope 1 emissions, only emission factors following the guidance of IPCC 2009/2016 be used.*

4.3. Giả định và ước tính/ Assumptions and estimations

- ✓ Lượng nhiên liệu theo hóa đơn được xem là sử dụng hết trong thời gian kiểm kê.
- ✓ *The amount of fuel specified on the invoices is considered to have been fully consumed during the inventory period.*
- ✓ Độ ẩm của nhiên liệu sinh khối sử dụng được xem là 0%.
- ✓ *The moisture content of the biomass fuel used is considered to be zero.*
- ✓ Hàm lượng tinh bột trong bột mì dựa vào COA của nguyên liệu. Đối với các nhà cung cấp trên COA không thể hiện thông tin này thì giả định hàm lượng tinh bột là 100%.
- ✓ *The starch content in the flour is based on the raw material's COA (Certificate of Analysis). For suppliers whose COA does not display this information, the starch content is assumed to be 100%.*
- ✓ Lượng rò rỉ bình khí CO₂ được tính từ tổng khối lượng chất chữa cháy dạng nghĩa trong bình.
- ✓ *The CO₂ cylinder leakage amount is calculated from the total nominal mass of the extinguishing agent in the cylinder.*
- ✓ Công suất lạnh và lượng nạp tối đa được xem là tương đương với lượng ghi trên nhãn thiết bị/sổ tay nhà cung cấp/thông tin công bố trên website của hãng hoặc nhà bán hàng. Lượng phát thải từ việc sử dụng môi chất lạnh được tính từ 2 phương pháp gồm tính theo lượng nạp vào hoặc tỉ lệ rò rỉ tùy theo nhà thầu dịch vụ bảo trì, sửa chữa thiết bị lạnh.
- ✓ *The cooling capacity and maximum charge amount are considered equivalent to the quantity recorded on the equipment label, supplier manual, or information published on the manufacturer's or seller's website. Emissions from the use of refrigerants are calculated using two methods, either based on the amount charged or the leakage rate, depending on the service contractor responsible for the maintenance and repair of the refrigeration equipment.*
- ✓ Đất nhà máy hiện tại là đất định cư, được chuyển đổi từ đất bỏ hoang (giả định theo khu vực xung quanh là đất trồng cây lâu năm), thuộc loại đất khoáng. Ngoài ra, toàn bộ các khu vực nhà máy là các tòa nhà nhà máy và công trình giao thông. Do đó, loại bỏ trực tiếp từ LULUCF được coi là bằng không; Giai đoạn trước chuyển đổi không có tác động

con người. Các yếu tố về sử dụng, tác động, bổ sung được xem là không có thay đổi; Việc chuyển đổi diễn ra một lần và bê tông hóa hoàn toàn, nên theo phương thức tính bậc 1 theo IPCC việc chuyển đổi đất làm mất đi 20% lượng hữu cơ trong đất ban đầu.

- ✓ *The current factory land is residential land, converted from wasteland (assumed, based on the surrounding area, to be land for perennial crop), and belongs to the mineral soil type. Furthermore, the entire factory area consists of factory buildings and traffic infrastructure. Therefore, direct removal from LULUCF (Land Use, Land-Use Change, and Forestry) is considered to be zero. The pre-conversion phase had no human impact. The factors regarding use, impact, and addition are considered unchanged. The conversion occurred once and resulted in complete concreting, so according to the IPCC Tier 1 calculation method, the land conversion resulted in a loss of 20% of the initial organic matter in the soil.*
- ✓ Khoảng cách vận chuyển từ nhà cung cấp đến Công ty cổ bằng khoảng cách đề xuất của Google Maps từ vị trí tỉnh của nhà cung cấp đến vị trí công ty; Phương tiện vận tải xe tải lạnh: có tải trọng khoảng 1,9 tấn, thuộc xe Van. Tuy nhiên đối với xe Van không có xe lạnh nên sẽ chọn hệ số phát thải của xe “HGV refrigerated” – phương tiện vận tải hàng hóa hạng nặng.
- ✓ *The transportation distance from the supplier to the Company is based on the distance suggested by Google Maps from the supplier's provincial location to the company's location. The refrigerated transport vehicle has a payload of approximately 1.9 tons, classified as a Van. However, since a refrigerated option is not available for the Van category, the emission factor for "HGV refrigerated" – Heavy Goods Vehicle refrigerated transport – is selected*
- ✓ Vận chuyển hạ nguồn: Khoảng cách vận chuyển từ Công ty đến nơi giao theo thỏa thuận với công ty bằng khoảng cách đề xuất của Google Maps từ vị trí của công ty đến vị trí của nơi giao hàng.
- ✓ *Downstream Transportation: The transportation distance from the Company to the delivery point, as agreed upon with the company, is based on the distance suggested by Google Maps from the company's location to the delivery point.*
- ✓ Do lượng nước thải công ty không có đồng hồ đo thực tế. Nên lượng nước thải tương đương theo hợp đồng cung cấp nước đầu vào.
- ✓ *Since the company does not have an actual meter to measure the wastewater volume. Therefore, the wastewater volume is assumed to be equivalent to the incoming water volume specified in the supply contract.*

4.4. Loại trừ/ Exclusion

Chi tiết loại trừ tại Phụ lục A/ *Exclusion details in Appendix A*

4.5. Độ không đảm bảo đo/ Uncertainties

Độ không đảm bảo đo được tính toán theo phương pháp truyền lỗi bậc 1 (IPCC 2019, tập 1, chương 3).

Uncertainty is calculated based on the first-order error propagation method (IPCC 2019, Vol 1, chapter 3).

Độ không đảm bảo đo đến từ việc sử dụng và chọn lựa hệ số phát thải và dữ liệu hoạt động. Độ không đảm bảo đo được tiếp cận bằng cách ưu tiên tính toán dựa trên sử dụng dữ liệu thực nghiệm và kết hợp với sự gợi ý từ chuyên gia theo cơ sở dữ liệu của IPCC (2019). Nhìn chung, việc sử dụng dữ liệu thứ cấp trong suốt quá trình đánh giá là nguyên nhân chính gây ra sự dao động của độ không đảm bảo.

The measurement uncertainty arises from the use and selection of emission factors and activity data. Uncertainty is approached by calculating it based on empirical data and incorporating expert elicitation, following the IPCC database (2019). Generally, the use of secondary data throughout the assessment represents the primary source of uncertainties in the results.

Cấp chính xác của Báo cáo kiểm kê KNK của Công ty TNHH Montclair ở mức độ trung bình.

The accuracy level of Montclair Company Limited GHG inventory is considered to be Average.

Dấu chân Carbon trong báo cáo này thể hiện ước tính tốt nhất của công ty chúng tôi, dựa trên dữ liệu nội bộ và tính toán nội bộ. Tuy nhiên, lượng khí thải của công ty có thể thay đổi theo thời gian, tùy thuộc vào những thay đổi trong quy trình sản xuất và những thay đổi trong khối lượng sản xuất.

The carbon footprint in this report represents our company's best estimate, based on internal data and calculations. However, the company's emissions may vary over time, depending on changes in production processes and production volumes.

5. KẾ HOẠCH GIẢM THIỂU VÀ LOẠI BỎ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH/ THE CARBON REDUCTION EMISSION AND REMOVAL PLAN

5.1. Thiết lập chiến lược giảm thiểu phát thải KNK/ Establishing a GHG Reduction Strategy

Lộ trình giảm thiểu KNK của chúng tôi được xây dựng dựa trên Cơ sở khoa học (Science-Based) vững chắc, phù hợp với các kịch bản khí hậu toàn cầu nhằm hạn chế mức tăng nhiệt độ không vượt quá 1,5°C so với mức tiền công nghiệp, dựa trên khuyến nghị từ IPCC (Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu) và IEA (Cơ quan Năng lượng quốc tế).

Our Greenhouse Gas (GHG) reduction pathway is built on a Science-Based foundation, aligning with global climate scenarios to limit the temperature increase to 1,5°C above pre-industrial levels, based on recommendations from the IPCC (Intergovernmental Panel on Climate Change) and the IEA (International Energy Agency).

Để đảm bảo tính minh bạch, độ tin cậy, và thể hiện nỗ lực phù hợp với mục tiêu khí hậu toàn cầu, các mục tiêu giảm thiểu KNK ngắn và dài hạn của Công ty được thiết lập để tuân thủ và cam kết theo tiêu chuẩn của Sáng kiến mục tiêu Dựa trên khoa học (SBTi).

To ensure transparency, credibility, and to demonstrate efforts consistent with the global climate goal, the Company's short- and long-term GHG reduction targets are established to comply with and are committed to the standards of the Science Based Targets initiative (SBTi).

- *Thiết lập mục tiêu SBTi yêu cầu các công ty chuyển đổi mục tiêu khí hậu của họ thành các mục tiêu giảm phát thải cụ thể, có thể đo lường được, phù hợp với các kịch bản khí hậu.*
- *Establishing an SBTi target requires companies to translate their climate ambition into specific, measurable emission reduction targets that align with climate scenarios.*
- *Quá trình này bao gồm việc đặt ra các mục tiêu giảm thiểu cho Phạm vi 1 & 2 (phát thải trực tiếp và từ năng lượng mua) và Phạm vi 3 (chuỗi giá trị).*
- *This process includes setting reduction targets for Scope 1 & 2 (direct and purchased energy emissions) and Scope 3 (value chain).*

Mục tiêu của công ty dựa trên tiêu chuẩn SBTi/ *The Company's SBTi-Based Targets:*

- **Mục tiêu ngắn hạn (Đến năm 2029):** Chúng tôi cam kết đạt mức giảm phát thải Khí nhà kính (KNK) tuyệt đối là 37,8% so với năm cơ sở (năm 2024) vào năm 2029. Mục tiêu này mang tính chiến lược cao, thúc đẩy việc triển khai các dự án khử carbon hiệu quả trong vận hành (phạm vi 1 & 2) và tối ưu hóa chuỗi giá trị (phạm vi 3).
- *Short-Term Target (To 2029): We commit to achieving an absolute Greenhouse Gas (GHG) emission reduction of 37.8% compared to the base year (2024) by 2029. This is a highly strategic target, driving the implementation of effective decarbonization projects in operations (Scope 1 & 2) and optimization of the value chain (Scope 3).*
- **Mục tiêu dài hạn (Đến năm 2050):** Mục tiêu tối thượng của Công ty là đạt trạng thái Net zero (Phát thải ròng bằng 0) vào năm 2050. Mục tiêu này yêu cầu sự chuyển đổi toàn diện, giảm thiểu phát thải triệt để trên toàn bộ chuỗi giá trị, đảm bảo rằng chỉ còn lại lượng phát thải tồn dư không đáng kể sẽ được loại bỏ thông qua các giải pháp hấp thụ carbon vĩnh viễn, từ đó hiện thực hóa trách nhiệm khí hậu lâu dài của chúng tôi.
- *Long-Term Target (To 2050): The Company's ultimate goal is to achieve Net Zero status (Net zero emissions) by 2050. This target requires a comprehensive transformation, drastic emission reduction across the entire value chain, ensuring that only insignificant residual emissions remain, which will be neutralized through permanent carbon removal solutions, thereby realizing our long-term climate responsibility.*

5.2. Kế hoạch quản lý Carbon/ *The Carbon management plan*

Công ty TNHH Montclair đã thể hiện tầm nhìn chiến lược vượt trội khi chủ động thực hiện kiểm kê và giảm thiểu KNK, mặc dù không nằm trong danh mục các cơ sở bị bắt buộc phải thực hiện kiểm kê KNK theo quy định của nhà nước.

Montclair Co., Ltd. has demonstrated superior strategic vision by proactively conducting GHG inventory and reduction, despite not being included in the list of facilities mandated by state regulations to perform GHG inventory.

Bước tiến này đặc biệt đáng ghi nhận, minh chứng cho cam kết tiên phong của Công ty đối với phát triển bền vững và trách nhiệm khí hậu tự nguyện. Cụ thể, Công ty đã tiên phong

lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với công suất lý thuyết 320 MWh/năm ngay từ tháng 08 năm 2024, thể hiện sự lãnh đạo mạnh mẽ trong việc giảm thiểu phát thải Scope 2.

This step is particularly noteworthy, serving as proof of the Company's pioneering commitment to sustainable development and voluntary climate responsibility. Specifically, the Company pioneered the installation and commissioning of a rooftop solar power system with a theoretical capacity of 320 MWh/year starting in August 2024, demonstrating strong leadership in reducing Scope 2 emissions.

Lượng phát thải đã giảm được năm 2024 khi áp dụng hệ thống năng lượng mặt trời áp mái nhà/ *The emission reduction achieved in 2024 from the operation of the rooftop solar power system:*

STT/ No	Biện pháp giảm nhẹ/ <i>Mitigation Measure</i>	Phạm vi/ <i>Scope</i>	Lượng điện mặt trời sử dụng (MWh)/ <i>Amount of Solar Electricity Used (MWh)</i>	Lượng phát thải đã giảm tCO _{2e} / <i>Amount of Emission Reduction (tCO_{2e})</i>
1	Sử dụng năng lượng mặt trời áp mái/ <i>Utilizing rooftop solar energy</i>	Phạm vi 2/ <i>Scope 2</i>	81,616	53,801

Bảng 2: Kế hoạch hành động giảm phát thải KNK

Table 2: GHG Emission Reduction Action Plan

STT/ No	Biện pháp giảm nhẹ/ <i>Mitigation Measure</i>	Mô tả biện pháp <i>Mitigation Measure Description</i>	Thời gian dự kiến vận hành ổn định/ <i>Expected Stable Operation Time</i>
1	Sử dụng năng lượng mặt trời áp mái với công suất lý thuyết 320 MWh/ năm <i>Utilizing rooftop solar energy with a theoretical capacity of 320 MWh/year</i>	Mục tiêu: Giảm phát thải từ điện năng mua ngoài (Phạm vi 2) khoảng 157,1 tCO _{2e} so với năm cơ sở. Objective: <i>Reduce emissions from purchased electricity (Scope 2) by approximately 157,1 tCO_{2e} compared to the base year.</i>	2025

		<p>Thực hiện: Duy trì và bảo trì thường xuyên hệ thống điện mặt trời áp mái (Solar Rooftop PV) tại các cơ sở đang hiện có (CK1, CK2). Nguồn điện này sẽ được tự sản xuất và tiêu thụ tại chỗ, giúp giảm sự phụ thuộc vào điện lưới và giảm thiểu đáng kể dấu chân carbon liên quan đến điện.</p> <p><i>Implementation: Maintain and regularly service the existing Solar Rooftop PV systems at current facilities (CK1, CK2). This electricity will be self-generated and consumed on-site, helping to reduce reliance on the grid and significantly minimize the carbon footprint associated with electricity</i></p>	
2	<p>Mở rộng lắp thêm năng lượng mặt trời áp mái với công suất dự kiến 118 MWh/ năm.</p> <p><i>Expanding the installation of rooftop solar energy with an anticipated capacity of 118 MWh/year.</i></p>	<p>Mục tiêu: Tiếp tục tăng cường giảm phát thải từ điện năng mua ngoài (Phạm vi 2). Dự kiến giảm lượng phát thải KNK 77,7 tCO_{2e} so với năm cơ sở.</p> <p><i>Objective: Further enhance emission reduction from purchased electricity (Scope 2). Expected GHG emission reduction of 77,7 tCO_{2e} compared to the base year</i></p> <p>Thực hiện: Mở rộng phạm vi đầu tư bằng cách thuê thêm mái nhà của đối tác để lắp đặt hệ thống solar rooftop PV bổ sung. Biện pháp này nhằm tăng cường khả năng tự sản xuất điện, thay thế thêm một phần điện lưới, qua đó tối đa hóa tác động giảm carbon.</p> <p><i>Implementation: Expand investment scope by leasing additional rooftop space from partners to install supplementary Solar Rooftop PV systems. This measure aims to increase self-production capacity, further replace grid electricity, and thereby maximize the carbon reduction impact</i></p>	2027

3	<p>Nâng cấp hệ thống thiết bị lạnh để tiết kiệm năng lượng.</p> <p><i>Upgrading refrigeration equipment systems for energy saving.</i></p>	<p>Mục tiêu: Giảm phát thải từ điện năng mua ngoài (Phạm vi 2) khoảng 5% tổng lượng điện của năm cơ sở (tương đương 24,4 tCO_{2e} so với năm cơ sở)</p> <p>Objective: <i>Reduce emissions from purchased electricity (Scope 2) by about 5% of the total electricity in the base year (equivalent to 24,4 tCO_{2e} compared to the base year).</i></p> <p>Thực hiện: Thực hiện một kế hoạch nâng cấp từng phần hệ thống thiết bị (từ 2027 đến 2029) để giảm lượng sử dụng từ đó giảm phát thải KNK do mua điện năng EVN.</p> <p>Implementation: <i>Implement a phased equipment system upgrade plan (from 2027 to 2029) to reduce electricity consumption, thereby reducing GHG emissions from purchased EVN electricity.</i></p>	2027 - 2029
4	<p>Chuyển đổi loại môi chất lạnh có GWP cao hơn loại môi chất lạnh có GWP thấp hơn và thân thiện với môi trường hơn.</p> <p><i>Transitioning from high-GWP refrigerants to lower-GWP and more environmentally friendly refrigerants.</i></p>	<p>Mục tiêu: Giảm phát thải trực tiếp (Phạm vi 1) do các môi chất lạnh rò rỉ từ các thiết bị. Dự kiến giảm lượng phát thải KNK 2 tCO_{2e} so với năm cơ sở.</p> <p>Objective: <i>Reduce direct emissions (Scope 1) due to refrigerant leakage from equipment. Expected GHG emission reduction of 2 tCO_{2e} compared to the base year.</i></p> <p>Thực hiện/ Implementation:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện một kế hoạch chuyển đổi có hệ thống (từ 2027 đến 2028) để loại bỏ các thiết bị và hệ thống làm lạnh sử dụng môi chất lạnh có GWP cao. • <i>Implement a systematic transition plan (from 2027 to 2028) to eliminate equipment and cooling systems using high-GWP refrigerants.</i> 	2027 - 2028

		<ul style="list-style-type: none"> • Ưu tiên chuyển đổi sang các môi chất lạnh tự nhiên, thân thiện với khí hậu, có GWP thấp (như R600a,...), nhằm giảm thiểu tác động làm nóng lên toàn cầu. • <i>Prioritize the switch to natural, climate-friendly refrigerants with low or zero GWP (as R600a, etc.), to minimize global warming impact.</i> <p>Song song, cải thiện hiệu suất của hệ thống làm lạnh và kiểm soát chặt chẽ để giảm thiểu rò rỉ, qua đó giảm cả phát thải trực tiếp và phát thải gián tiếp (từ tiêu thụ điện năng).</p> <p><i>Concurrently, improve the efficiency of the cooling system and strictly monitor it to minimize leakage, thereby reducing both direct and indirect emissions (from electricity consumption).</i></p>	
5	<p>Nguyên liệu có hệ số phát thải thấp</p> <p><i>Low emission factor raw materials</i></p>	<p>Mục tiêu: Giảm phát thải gián tiếp liên quan đến nguyên liệu mua vào (Scope 3 - Hàng hóa và dịch vụ mua ngoài).</p> <p>Objective: <i>Reduce indirect emissions related to purchased raw materials (Scope 3 - Purchased goods and services).</i></p> <p>Thực hiện: Tiến hành tìm kiếm và áp dụng một cách chiến lược các nguồn nguyên liệu mua vào có hệ số phát thải thấp. Điều này đòi hỏi phải đánh giá chuỗi cung ứng và ưu tiên các vật liệu, nhiên liệu hoặc nguyên liệu thô có quy trình sản xuất hoặc bản thân chúng phát thải ít carbon hơn.</p> <p>Implementation: <i>Strategically source and apply purchased raw materials with low emission factors. This requires evaluating the supply chain and prioritizing materials, fuels, or raw materials whose production processes or inherent nature result in less carbon emission.</i></p>	2029



5.3. Kế hoạch Đảm bảo chất lượng/ Kiểm soát chất lượng (QC/QA)

QC và QA thực hiện tuân thủ theo hướng dẫn IPCC phiên bản 2019 (Chương 6, Tập 1)

QC and QA compliance with the IPCC Guidelines 2019 (Chapter 6, Volume 1)

- QC/QA số liệu hoạt động và nguồn số liệu sử dụng
QC/QA of operational data and consumption data
- QC/QA hệ số phát thải và nguồn số liệu sử dụng
QC/QA emission factors and consumption data
- QC/QA kết quả tính toán phát thải/hấp thụ theo các nguồn phát thải/bể hấp thụ
QC/QA emission calculation results/sink by GHG emission sources/ GHG sink
- QC/QA độ không chắc chắn của số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán.
QC/QA uncertainty of activity data, emission factors and calculation results.

Công ty TNHH Montclair sẽ duy trì hệ thống giám sát và báo cáo phát thải KNK hàng năm/
Montclair Company Limited will maintain an annual GHG inventory monitoring and reporting system.

Thu thập dữ liệu, đầu vào, xử lý hoạt động/
Data collection, input, and processing activities.

Tính toán phát thải và kiểm tra kết quả/
Calculating emissions and verifying results.

Phát triển kế hoạch quản lý Chất lượng/
Developing Quality Management Plan.

Lưu trữ hồ sơ dữ liệu/
Data documentation.

6. CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HÒA CARBON/ CARBON NEUTRALITY PROGRAM

Trạng thái trung hòa Carbon đã đạt được bằng cách giảm và bù đắp lượng phát thải KNK bằng các biện pháp sau:

Carbon neutrality has been achieved by reducing and offsetting greenhouse gas (GHG) emissions through the following measures:

Hành động đầu tiên của chúng tôi là nỗ lực giảm lượng phát thải hàng năm thông qua các sáng kiến và dự án giảm phát thải KNK bằng việc quản lý, giám sát nguồn năng lượng sử dụng; quản lý và chuyển đổi dần môi chất lạnh; tìm các nhà cung cấp có hệ số phát thải thấp. Phần phát thải còn lại hàng năm được chúng tôi bù đắp từ các dự án được chứng nhận theo các tiêu chuẩn Quốc tế.

Our first action is the effort to reduce annual emissions through Greenhouse Gas (GHG) reduction initiatives and projects by managing and monitoring energy sources used; managing and gradually transitioning refrigerants; and sourcing suppliers with low emission factors. The remaining annual emissions are offset through projects certified under international standards.

Các dự án bù trừ carbon được thiết kế nhằm mục đích giảm thiểu phát thải KNK. Đối với mỗi tấn CO₂e được giảm thiểu, 1 tín chỉ carbon sẽ được tạo ra. Các nỗ lực giảm phát thải liên quan đến dự án được đo lường kỹ lưỡng bằng các phương pháp tính toán nghiêm ngặt và được xác minh bởi các bên thứ ba để đảm bảo việc giảm phát thải diễn ra hiệu quả. Sau khi được sử dụng cho mục đích bù trừ, các tín chỉ sẽ bị hủy (“vô hiệu hóa”) để tránh bất kỳ việc tính toán hai lần nào. Tất cả các chương trình bù đắp này hoàn toàn tuân thủ theo quy định tại ISO 14068-1:2023.

Carbon offset projects are designed to reduce GHG emissions. For each ton of CO₂e reduced, one carbon credit is generated. The emission reduction efforts from these projects are carefully measured using strict calculation methods and verified by third-party organizations to ensure effective reductions. Once used for offsetting purposes, the credits are ‘retired’ to prevent any double counting. All offset programs fully comply with the ISO 14068-1:2023 standard.

Mặt khác, các dự án bù đắp carbon mà Công ty TNHH Montclair lựa chọn cũng mang lại các lợi ích về mặt xã hội, môi trường và kinh tế, giúp đóng góp vào các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc.

Additionally, the carbon offset projects selected by Montclair Company Limited provide social, environmental, and economic benefits, contributing to the achievement of the United Nations’ Sustainable Development Goals (SDGs).

Các tín chỉ carbon được mua để bù đắp lượng phát thải còn lại trong kỳ báo cáo 2024 đã được áp dụng Điều chỉnh tương ứng. Điều này đảm bảo tính toàn vẹn môi trường và tránh việc tính toán trùng lặp lượng giảm phát thải giữa tuyên bố trung hòa carbon của Công ty và mục tiêu đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC) của Chính phủ.

Carbon credits purchased to offset remaining emissions in the 2024 reporting period have

been subject to Corresponding Adjustments. This ensures environmental integrity and avoids double-counting of emissions reductions between the Company's carbon neutrality declaration and the Government's Nationally Determined Contribution (NDC) target.

Công ty TNHH MONTCLAIR đảm bảo rằng tất cả các tín chỉ carbon và Chứng chỉ năng lượng tái tạo (IREC) được sử dụng để đạt được trạng thái trung hòa carbon trong kỳ báo cáo 2024 đều tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt của tiêu chuẩn ISO 14068-1:2023.

MONTCLAIR Co., Ltd ensures that all carbon credits and Renewable Energy Certificates (RECs) used to achieve carbon neutrality status for the 2024 Reporting Period comply with the stringent requirements of the ISO 14068-1:2023 standard.

Cụ thể, các tín chỉ này đã được mua từ các chương trình bù đắp uy tín và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về chất lượng tín chỉ (Điều khoản 11.2) và tiêu chí chương trình tín chỉ carbon (Điều khoản 11.3), bao gồm:

Specifically, these credits were purchased from reputable offsetting programs and fully satisfy the criteria for credit quality (Clause 11.2) and carbon credit program criteria (Clause 11.3), including:

- Tính bổ sung/ *Additionality.*
- Tính lâu dài/ *Permanence/.*
- Không gây rò rỉ/ *No leakage.*
- Không tính toán hai lần/ *No double counting.*
- Đã được xác minh bởi bên thứ ba độc lập/ *Independent third-party verification.*
- Tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ xã hội và môi trường/ *Adherence to social and environmental safeguards.*

6.1. Lựa chọn Dự án/ *Selection of Projects:*

Phạm vi 1 và Phạm vi 3/ *Scope 1 and Scope 3*

Tín chỉ carbon bù đắp được cung cấp từ: Dự án cải tiến bếp nấu tại Việt Nam do KCM thực hiện – Dự án cải tiến bếp nấu tại tỉnh Phú Thọ – CPA 003 (VCS 2490)

<https://registry.verra.org/app/projectDetail/VCS/2490>

The offsets will be retired from the following projects: Viet Nam Improved Cookstove Project By KCM – Improved Cookstove Project In Phu Tho Province – CPA 003 (VCS 2490)

<https://registry.verra.org/app/projectDetail/VCS/2490>

Dự án Bếp Nấu Cải Tiến Việt Nam (CPA 003) nhằm mục đích phân phối và lắp đặt tổng cộng 28.000 bếp nấu cải tiến loại "4G" tại các hộ gia đình sử dụng củi đun ở năm huyện thuộc tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. Công nghệ ICS "4G" là loại bếp một nồi, được sản xuất bằng thép tại nước chủ nhà, với hiệu suất nhiệt dự kiến là 30,00%.

The Viet Nam Improved Cookstove Project (CPA 003) aims to distribute and install a total of 28,000 Improved Cooking Stoves (ICS), specifically the "4G" model, to households using

firewood in five districts of Phu Tho Province, Viet Nam. The "4G" ICS technology is a single-pot stove, manufactured from steel in the host country, with a projected thermal efficiency of 30.00%.

Mục tiêu chính của dự án là giảm thiểu biến đổi khí hậu thông qua việc thay thế phương pháp nấu ăn truyền thống (như bếp ba hòn mờ) bằng ICS hiệu suất cao. Sự thay đổi này trực tiếp dẫn đến việc giảm đáng kể mức tiêu thụ củi. Việc tuân thủ và áp dụng phương pháp luận AMS-II.G phiên bản 11.0 (Biện pháp hiệu suất năng lượng trong các ứng dụng nhiệt của sinh khối không tái tạo) đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong việc định lượng lượng giảm phát thải này.

The primary objective of the project is climate change mitigation by replacing the existing common practice of using three-stone open fires with the energy-efficient ICS. This transition directly results in a significant reduction in firewood consumption. Compliance with and application of the AMS-II.G Version 11.0 methodology (Energy efficiency measures in thermal applications of non-renewable biomass) ensures the accuracy and transparency in quantifying these reductions.

Dự án CPA 003 mang lại các lợi ích đồng thời đáng kể, đóng góp tích cực vào các trụ cột của phát triển bền vững:

The CPA 003 project delivers significant co-benefits, positively contributing to the pillars of sustainable development:

- **Lợi ích môi trường:** Giảm sử dụng sinh khối không tái tạo không chỉ giảm phát thải mà còn hỗ trợ bảo tồn rừng và tái trồng rừng. Việc sử dụng nhiên liệu hiệu quả hơn dẫn đến cân bằng sinh thái tốt hơn và hỗ trợ phòng chống cháy nổ trong bếp gia đình.
- **Environmental Well-being:** *The reduction in the use of non-renewable biomass not only lowers GHG emissions but also supports forest conservation and reforestation. The more efficient fuel use leads to an improved ecological balance and supports fire prevention in the household kitchen.*
- **Lợi ích kinh tế và xã hội:** Dự án trực tiếp cải thiện sức khỏe cộng đồng bằng cách giảm đáng kể chất gây ô nhiễm không khí trong nhà từ khói củi, từ đó làm giảm các bệnh liên quan đến đường hô hấp và các vấn đề sức khỏe khác. Về mặt kinh tế, dự án tạo ra cơ hội việc làm trong các hoạt động lắp đặt và phân phối, đồng thời giảm sự phụ thuộc và chi phí liên quan đến việc thu thập/ mua củi.
- **Socio and Economic Benefits:** *The project directly improves public health by significantly reducing indoor air pollutants from wood smoke, thereby mitigating respiratory and other smoke-related health disorders. Economically, the project generates employment opportunities in installation and distribution activities, while reducing the dependency and costs associated with firewood collection/ purchase.*
- **Lợi ích công nghệ:** Thông qua việc sử dụng công nghệ bếp được sản xuất tại địa phương và có hiệu suất cao, dự án tăng cường năng lực phát triển và bí quyết kỹ thuật, góp phần vào tự lực về công nghệ trong khu vực.

- **Technological benefit:** By utilizing locally manufactured, high-efficiency stove technology, the project enhances capacity development and technical knowhow, contributing to technological self-reliance in the area.

Bảng 3. Thông tin Dự án tín chỉ carbon bù đắp/ Table 3: Information of Carbon offset Project:

Thông tin Dự án tín chỉ carbon bù đắp/ Information of Carbon offset Project:		
1.	Thông tin/Project ID	VCS 2490
2.	Tên dự án/ Project name	VIET NAM IMPROVED COOKSTOVE PROJECT BY KCM – IMPROVED COOKSTOVE PROJECT IN PHU THO PROVINCE – CPA 003
3.	Loại dự án/Project type	Energy demand
4.	Phương pháp luận/ Methodology	AMS-II.G.
5.	Ngày phát hành/ Issuance date	21/02/2024
6.	Năm phát hành/ Vintage	2024
7.	Địa điểm dự án/ Project location	Vietnam
8.	Ngày hủy bỏ/ Retirement date	10/12/2025
9.	Số lượng tín chỉ/ Credit volume	1311 VCUs
10.	Thông tin hủy bỏ/ Retirement registry	https://registry.verra.org/app/search/VCS?programType=ISSUANCE&exactResId=2490
11.	VCU Serial Number	18870-913970422-913971732-VCS-VCU-1423-VER-VN-3-2490-01012024-31032024-0

Phạm vi 2/ Scope 2:

Điện mặt trời lắp đặt trên mặt đất (PV Ground mounted) là một giải pháp quan trọng để giảm thiểu biến đổi khí hậu. Năng lượng mặt trời là năng lượng sạch, so với các nguồn năng lượng hóa thạch khác, công nghệ điện mặt trời ít gây ô nhiễm không khí, nước và đất đai. Nó không tạo ra khí thải carbon và các chất gây ô nhiễm môi trường khác, giúp bảo vệ sức khỏe con người và đóng góp vào cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

PV Ground mounted solar power is an important solution to mitigate climate change. As a clean energy source, solar power technology causes less pollution to air, water, and land compared to other fossil fuels. It does not produce carbon emissions and other environmental pollutants, helping to protect human health and contributing to the fight

against climate change.

Bên cạnh đó, điện mặt trời còn tạo ra năng lượng tái tạo sạch, giá cả phải chăng, các dự án điện mặt trời lắp đặt trên mặt đất cũng tạo ra việc làm và cải thiện sinh kế cho người dân địa phương. Với việc ủng hộ các dự án năng lượng xanh này thì Công ty TNHH Montclair từng bước hiện thực hoá cam kết đạt phát thải ròng bằng không năm 2050, thể hiện trách nhiệm đồng hành với mục tiêu giảm phát thải KNK của Việt Nam và toàn cầu.

In addition, solar power generates clean, renewable energy at a reasonable price, and PV ground mounted solar power projects create jobs and improve the livelihoods of local communities. By supporting these green energy projects, Montclair Company Limited is progressively fulfilling its commitment to achieving net-zero emissions by 2050, reflecting its responsibility toward Vietnam's and the global greenhouse gas reduction goals.

Đối với toàn bộ phần điện sử dụng cho hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Montclair năm 2024, chúng tôi đã mua 611 chứng chỉ năng lượng mặt trời tái tạo từ dự án “Phan Lam Solar Power Plant” tại Thôn Đa Dung, xã Phan Lâm, huyện Bắc Bình, Bình Thuận, Việt Nam.

<https://evident.app/IREC/device-register/PHANES10000>

To offset the entire electricity consumption for its production activities in 2024, Montclair Company Limited purchased 611 renewable solar energy certificates from the 'Phan Lam Solar Power Plant' project located in Da Dung Hamlet, Phan Lam Commune, Bac Binh District, Binh Thuan Province, Vietnam.

<https://evident.app/IREC/device-register/PHANES10000>

Bảng 4: Thông tin dự án / Table 4: Project's Information

Thông tin Dự án tín chỉ REC bù đắp/ Information of REC offset Project:		
1.	Tên dự án/ Project name	Phan Lam Solar Power Plant
2.	Loại dự án/ Project type	PV Ground mounted
3.	Địa điểm dự án/ Project location	Bắc Bình District, Bình Thuận, Vietnam Da Dung village, Phan Lam commune, Bac Binh district
4.	Năm phát hành/ Vintage	2024
5.	Registry Account No.	TOLFRGI4
6.	Số lượng IREC/ IREC volume	661 IRECs

7	ID chứng nhận/ <i>Certificate ID</i>	From 0000-0224-5712-5341.727000 to 0000-0224-5712-6002.726999
8	Mã xác nhận/ <i>Verification key</i>	7 0 8 8 2 6 0 8

6.2. Tính toán các khoản bù đắp/ Calculation of Offsets to be Purchased

Bảng 5: Tính toán các khoản bù đắp/ *Table 5: Calculation of Offsets*

Tổng lượng phát thải CO₂e còn lại sau khi mua REC cho 100% lượng điện sử dụng năm 2024 <i>The total remaining CO₂e emissions after purchasing IREC for 100% of the electricity consumption in 2024.</i> (tấn CO ₂ e / tons CO ₂ e)	Tổng lượng carbon bù đắp <i>The total amount of carbon offsetting</i> (tấn CO ₂ e / tons CO ₂ e)	Tổng phát thải năm 2024 <i>Total emissions in 2024</i> (tấn CO ₂ e / tons CO ₂ e)
1253,27	1311	-57,73



Certificate of Verified Carbon Unit (VCU) Retirement

Verra, in its capacity as administrator of the Verra Registry, does hereby certify that on 10 Dec 2025, 1,311 Verified Carbon Units (VCUs) were retired on behalf of:

MONTCLAIR CO., LTD.

Project Name

Viet Nam Improved Cookstove Project by KCM - Improved Cookstove Project in Phu Tho Province - CPA 003

VCU Serial Number

18870-913970422-913971732-VCS-VCU-1423-VER-VN-3-2490-01012024-31032024-0

Additional Certifications

Powered by  PX

Hình 1: Tín chỉ carbon
Figure 1: Carbon credits



This Redemption Statement has been produced for

MONTCLAIR CO., LTD.

by

SAXON RENEWABLE ENERGY SDN BHD

confirming the Redemption of

661.000000

I-REC Certificates, representing 661.000000 MWh of
electricity generated from renewable sources

This Statement relates to electricity consumption located at or in

**484G, Street No. 38, Quarter 1, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam**

in respect of the reporting period

2024-01-01 to 2024-12-31

The stated Redemption Purpose is

**To Meet Corporate Renewable Energy Goals and Offset Carbon Emissions for Carbon
Neutrality**

Redeemed Certificates

Production Device Details

Device	Country of Origin	Energy Source	Technology	Supported	Commissioning Date	Carbon (CO ₂ / MWh)
Phan Lam Solar Power Plant	Vietnam	Solar	PV Ground mounted	Yes	2019-06-25	0.000000

Redeemed Certificates

From Certificate ID	To Certificate ID	Number of Certificates	Offset Attributes	Period of Production	Issuer
0000-0224-5712-5341.727000	0000-0224-5712-6002.726999	661.000000	Incl	2024-11-01 - 2024-11-30	The Green Certificate Company (Central Issuer)

Hình 2: Tín chỉ IRECs
 Figure 2: IREC credits

7. Ý KIẾN XÁC MINH/ VERIFICATION OPINION

34
G
H
L
P

**PHỤ LỤC A: KHÍ NHÀ KÍNH BAO GỒM/LOẠI TRỪ/
APPENDIX A: INCLUSION/EXCLUSION OF GREENHOUSE GASES**

Bao gồm và loại trừ trong ranh giới chủ đề, không có loại trừ cố ý nào đối với dữ liệu Phạm vi 1, 2 và phạm vi 3 được thực hiện/ *Inclusions and Exclusions Within the subject boundary, no intentional exclusions to Scope 1, 2 and 3 data have been made.*

<p>Phạm vi 1: Nguồn phát thải và hấp thụ KNK trực tiếp <i>Scope 1: Direct GHG emissions and sink</i></p>	<p>Bao gồm/ Included.:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nguồn phát thải từ nhiên liệu dùng cho các thiết bị cố định (thiết bị cấp hơi cho thiết bị xông khói, bếp nấu) <i>Direct emissions from the combustion of fuels (steam supply equipment for smokehouse equipment, cooking stoves)</i> ▪ Nguồn phát thải từ nhiên liệu dùng cho các thiết bị di động <i>Emissions from the combustion of fuels in vehicles owned.</i> ▪ Nguồn phát thải từ quá trình lên men tinh bột trực tiếp trong quá trình sản xuất <i>Emissions from the direct fermentation of starch during the production process</i> ▪ Nguồn phát thải từ các môi chất lạnh của thiết bị làm lạnh, làm mát và điều hòa không khí <i>Fugitive emissions from refrigeration, cooling, and air-conditioning units.</i> ▪ Nguồn phát thải từ sử dụng các thiết bị PCCC có chứa KNK CO₂, NaHCO₃ <i>Emissions from the use of fire suppression equipment containing CO₂, NaHCO₃ GHGs</i> <p>Loại trừ/ Excluded:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Không bao gồm loại trừ cố ý nào <i>No intentional exclusions.</i>
<p>Phạm vi 2: Phát thải gián tiếp từ việc nhập năng lượng <i>Scope 2: Indirect GHG emission from energy imports</i></p>	<p>Bao gồm/ Included.:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Điện năng mua từ lưới điện quốc gia <i>Electricity purchased from the national grid</i> <p>Loại trừ/ Excluded:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Không bao gồm loại trừ cố ý nào <i>No intentional exclusions</i>
	<p>Bao gồm/ Included.:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nguồn phát thải từ vận chuyển nguyên vật liệu chính thượng nguồn

724.
TY
H
AIF
100

Phạm vi 3: Phát thải gián tiếp khác

Scope 3: Indirect GHG emissions

Emissions from upstream transport of main raw materials

- Nguồn phát thải từ vận chuyển và phân phối hạ nguồn

Emissions from downstream transport and distribution

- Nguồn phát thải từ nguyên liệu chính đã mua
- Nguồn phát thải từ nước thải phát sinh do hoạt động của tổ chức

Emissions from wastewater generated by the organization's operations.

Loại trừ/ Excluded:

- Không bao gồm loại trừ cố ý nào. Các nguồn phát thải đáng kể ở phạm vi 3 được đánh giá mức độ trọng yếu và loại trừ các nguồn không trọng yếu dựa trên các tiêu chí đã xác định.

No intentional exclusions. Significant scope 3 emission sources are assessed for materiality and non-material sources are excluded based on established criteria.

Các hoạt động vận tải thượng nguồn và hạ nguồn chủ yếu sử dụng xe tải lạnh, và không bao gồm các hoạt động vận tải hàng không hoặc vận tải biển đáng kể. Do đó, các tác động khí hậu phi KNK đã được loại trừ khỏi tính toán dấu chân carbon do không phát sinh.

The upstream and downstream transportation activities primarily utilize refrigerated trucks, and do not include significant aviation or shipping activities. Consequently, non-GHG climate impacts have been excluded from the Carbon Footprint calculation because they do not arise.

**PHỤ LỤC B: BẢNG TỔNG HỢP DẤU CHÂN CARBON 2024/
APPENDIX B: SUMMARY OF CARBON FOOTPRINT IN 2024**

<i>STT/No</i>	<i>Phạm vi / Scopes</i>	<i>Lượng phát thải (tấn CO₂e)/ Emission (ton CO₂e)</i>	<i>Ghi chú/Remark</i>
I	Tổng phát thải phạm vi 1 / <i>Scope 1 total emission</i>	187,88	
II	Tổng phát thải phạm vi 2/ <i>Scope 2 total emission</i>	435,28	
III	Tổng phát thải phạm vi 3/ <i>Scope 3 total emission</i>	1.065,39	
Tổng Phát thải/Total GHG emissions		1.688,55	
Tổng Phát thải sau khi mua REC cho 100% lượng điện tiêu thụ/ Total GHG emissions after purchasing IREC for 100% of the electricity consumption		1.253,27	
Lượng tín chỉ carbon bù đắp/Carbon offset		1.311	
Tổng phát thải ròng/Total net emission		-57,73	

